

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 954/2019/DS-PT

Ngày: 25/10/2019

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hòa

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Mỹ Nhung

Bà Trịnh Thị Ánh

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Lê Quỳnh Thy - Thư ký Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:* Ông Lê
Trọng Long - Kiểm sát viên.

Ngày 25/10/2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét
xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 336/2019/TLPT-DS ngày
22/7/2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án số 326/2019/DS-ST ngày 29/5/2019 của Toà án nhân dân huyện
A, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 4431/2019/QĐ-PT ngày
27/9/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Trương Thị B**, sinh năm 1948.

Địa chỉ: Đường C, Phường D, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Trần Văn F**, sinh năm 1950 (có mặt).

Địa chỉ: Đường C, Phường D, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Hợp đồng ủy quyền lập ngày 07/9/2017).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư **Trần Minh
G** - Văn phòng Luật sư H - Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Bị đơn: Công ty TNHH SX Thương mại **Mỹ bảo hiểm I**.

Trụ sở: Đường J, xã K, huyện A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Bà **Nguyễn Thị Mộng L** - Giám đốc.

Địa chỉ: Đường M, phường N, quận O, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Bùi Quang P**, sinh năm 1971 (có mặt).

Địa chỉ: Đường Q, phường R, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Hợp đồng ủy quyền số công chứng 009710, quyền số 09TP/CC-SCC/HDGD ngày 25/9/2018).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông **Trần Văn F**, sinh năm 1950.

Địa chỉ: Đường C, Phường D, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1959 (vắng mặt).

3. Ông **Nguyễn Minh Hiền U**, sinh năm 1983 (vắng mặt).

Địa chỉ thường trú: Xã K, huyện A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: Xã K, huyện A, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại Đơn khởi kiện ngày 07/9/2017; Đơn đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 02/10/2018; Đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 02/10/2018; Đơn khởi kiện bổ sung ngày 03/10/2017; Các ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trương Thị B có đại diện theo ủy quyền là ông Trần Văn F; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp ông Trần Minh G trình bày:

Do quen biết làm ăn thân thiết hỗ trợ nhau đã nhiều năm, giữa vợ chồng bà Trương Thị B và bà Nguyễn Thị T - Giám đốc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất Thương mại Mũ bảo hiểm I (Viết tắt là Công ty Mũ bảo hiểm I) có vay mượn tiền làm ăn qua lại với nhau nhiều lần nhưng đến nay vẫn chưa trả hết, cụ thể:

Trong ngày 27/8/2013, bà T vay 1.000.000.000 đồng cam kết một năm sẽ trả; ngày 14/3/2014, bà T vay 700.000.000 đồng hạn 06 tháng trả; ngày 30/10/2014, bà T vay 2.000.000.000 đồng đến nay chưa trả. Do Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ I và Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Mũ bảo hiểm I là hai pháp nhân khác nhau nên bà T và người đại diện cũng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Trần Văn F đã rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với 03 khoản vay trên.

Nhưng đối với các khoản vay sau: Vào ngày 20/01/2015, Công ty Mũ bảo hiểm I lập hợp đồng vay thứ tư với bà B để vay số tiền 900.000.000 đồng, mua

keo sản xuất quạt nuôi tôm và hứa sẽ trả đủ số tiền này trong vòng 12 tháng, nhưng đến nay vẫn chưa trả.

Ngày 02/02/2015, Công ty lập hợp đồng thứ năm với bà B để vay số tiền 1.000.000.000 đồng phát lương cho công nhân và hứa trả đủ cho bà B số tiền này trong vòng 03 (ba) tháng, nhưng đến nay vẫn chưa trả.

Ngày 03/02/2015, Công ty Mũ bảo hiểm I tiếp tục lập giấy vay bà B lần sáu với số tiền 1.000.000.000 đồng, đến nay vẫn chưa trả. Đối với số tiền tại lần vay này bà B yêu cầu Công ty trả tiền lãi theo mức lãi suất quy định 0,75%/năm tính từ tháng 02/2016 đến tháng 09/2018 là 32 tháng với số tiền lãi là 240.000.000 đồng. Tổng cộng là 1.240.000.000 đồng.

Ngày 03/02/2016, Công ty tiếp tục lập hợp đồng thứ bảy để vay bà B số tiền 525.000.000 đồng, mua keo và phát lương công nhân nhưng đến nay vẫn chưa trả.

Đến ngày 10/02/2016, Công ty Mũ bảo hiểm I lập hợp đồng vay thứ tám vay bà B số tiền 370.000.000 đồng và hứa trả trong hai tháng nhưng vẫn chưa trả.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông F đại diện cho bà B yêu cầu: Công ty Mũ bảo hiểm I phải trả số tiền gốc của 05 lần vay kể trên (có giấy vay mượn) là 3.795.000.000 đồng và tiền lãi tính từ tháng 03/2016 đến tháng 03/2019 là 36 tháng, lãi suất 0,75%/tháng là 924.650.000 đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi là 4.439.750.000 đồng cho ông và bà B, trả làm một lần ngay sau khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật, vì đây là tài sản chung của vợ chồng ông.

Theo bản tự khai, ý kiến trình bày tại các biên bản và phiên tòa, bị đơn Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Mũ bảo hiểm I (Công ty Mũ bảo hiểm I) có đại diện theo ủy quyền là ông Bùi Quang P trình bày:

Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Mũ bảo hiểm I là Công ty TNHH hai thành viên trở lên, được cấp giấy chứng nhận lần đầu ngày 26/11/2013. Thành viên của Công ty Mũ bảo hiểm I gồm 02 thành viên là: Bà Nguyễn Thị T và bà Lê Thị Thúy V. Trong đó bà T là người đại diện theo pháp luật của Công ty với chức danh là Giám đốc.

Vào ngày 04/01/2018, bà Nguyễn Thị T và bà Lê Thị Thúy V đã chuyển nhượng phần vốn góp của mình tại Công ty Mũ bảo hiểm I cho bà Nguyễn Thị Mộng L và ông Bùi Thanh W.

Trước khi các bên ký hợp đồng chuyển nhượng vốn góp, bà Nguyễn Thị T và bà Lê Thị Thúy V đã cho bà Nguyễn Thị Mộng L và ông Bùi Thanh W tìm hiểu, kiểm tra toàn bộ hồ sơ pháp lý, sổ sách, chứng từ cũng như toàn bộ báo cáo tài chính các năm từ 2014, 2015, 2016, 2017 của Công ty Mũ Bảo hiểm I. Theo các tài liệu này không thể hiện Công ty Mũ bảo hiểm I có nợ 3.795.000.000 đồng của bà Trương Thị B.

Theo Công ty Mũ bảo hiểm I, các khoản vay trên là khoản vay cá nhân của bà Nguyễn Thị T đối với bà Trương Thị B. Công ty Mũ bảo hiểm I không có trách nhiệm và nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ cá nhân của bà T cho bà Trương Thị B. Vì vậy, đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị B.

Theo bản tự khai, các biên bản và tại phiên tòa sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn F trình bày: Ông là chồng của bà Trương Thị B. Nay bà B khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty Mũ bảo hiểm I, có đại diện theo pháp luật là bà Nguyễn Thị Mộng L, trả lại cho bà B số tiền mà Công ty Mũ bảo hiểm I do bà Nguyễn Thị T trước đây làm Giám đốc đã vay của bà B, ông đồng ý.

Tại Bản án sơ thẩm số 326/2019/DS-ST ngày 29/5/2019, của Tòa án nhân dân huyện A đã căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39. Điều 91, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Căn cứ khoản 3 Điều 86, khoản 2 Điều 87, khoản 2 Điều 93, Điều 471 Bộ luật dân sự 2005. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị B về việc buộc Công ty Mũ bảo hiểm I trả số tiền vốn và lãi theo 05 giấy vay tiền ngày 20/01/2015; ngày 02/02/2015; ngày 03/02/2015; ngày 03/02/2016 và ngày 10/02/2016.

2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả số tiền vốn gốc và lãi theo các giấy vay nợ ngày 27/8/2013; ngày 14/3/2014 và ngày 30/10/2014.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí; quyền kháng cáo; quyền, nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Ngày 12/6/2019, nguyên đơn bà Trương Thị B kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 326/2019/DS-ST ngày 29/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện A. Với lý do chính sau:... Các giấy vay nợ viết tay có đóng dấu của Công ty Mũ bảo hiểm I, người đứng ra vay (bà T - Giám đốc) là đại diện theo pháp luật của Công ty, cũng là người nắm giữ 51% vốn điều lệ. Công ty chỉ có hai người là bà T và bà V... Mục đích vay là trả lương cho công nhân; phục vụ sản xuất làm ăn kinh doanh, duy trì hoạt động của Công ty... Việc cho vay này dựa trên tư cách của Công ty Mũ bảo hiểm I... Căn cứ khoản 1 Điều 93 Bộ luật dân sự 2005; khoản 2 Điều 36 Luật Doanh nghiệp 2005 nên Công ty Mũ bảo hiểm I có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với các khoản vay của người đại diện theo pháp luật của mình... Không đồng ý nhận định của Tòa án cấp sơ thẩm vì các báo cáo tài chính, các khoản nợ không xuất hóa đơn nên không nằm trong báo cáo, sổ sách của Công ty và nếu kê khai thì không thể chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp cho bà L và ông W. Việc chuyển nhượng phần vốn góp không làm thay đổi nghĩa vụ trả nợ của Công ty Mũ bảo hiểm I, vì bà T là người đại diện thay mặt Công ty xác lập giao dịch vay tài sản... Các giao dịch vay tiền diễn ra tại thời điểm bà T vẫn là người đại diện theo pháp luật cho Công ty... Hiện tại phần vốn góp của bà T, bà V đã chuyển cho bà L, ông W thì Công ty vẫn phải có nghĩa vụ trả nợ. Có dấu hiệu trốn tránh trách nhiệm trong việc chuyển nhượng cổ phần vốn góp... Bà B đang khởi kiện Công ty Mũ bảo hiểm I yêu cầu trả nợ và Tòa án huyện A đã thụ lý được ba tháng thì bà T, bà V chuyển nhượng toàn bộ vốn góp cho bà L, ông W. Đại diện Công ty Mũ bảo hiểm I liền nói đây là khoản vay cá nhân không liên quan đến Công ty là nhằm trốn tránh trách nhiệm theo khoản 1 Điều 139 Bộ luật dân sự 2015, khoản 1 Điều 146 Bộ luật dân sự 2005. Bà Lê Thị Thúy V - người nắm giữ 49% vốn điều lệ, thành viên Công ty Mũ bảo hiểm I có biết hay không việc vay này, bà T có hỏi và bà V có đồng ý việc vay này hay không... có những tình tiết nào chứng minh bà V biết nhưng không ý kiến... Tòa án nhân dân huyện A không đưa bà V tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tại thời điểm bà T thực hiện hàng loạt việc vay tiền của bà B thì bà V vẫn là thành viên góp vốn của Công ty và là con dâu bà T, nếu công nhận đây là khoản nợ của Công ty thì làm ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ của bà V... Là vi phạm thủ tục tố tụng. Tòa án cấp sơ thẩm chỉ căn cứ vào chứng cứ sơ bộ, lời khai của bị đơn để bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện là vi phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Xét xử có dấu hiệu không khách quan, không minh bạch, không công tâm. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu

khởi kiện về việc buộc Công ty Mũ bảo hiểm I phải trả lại số tiền gốc và lãi là 4.439.750.000 đồng của 05 giấy vay tiền nêu trên.

Tại phiên toà phúc thẩm:

Đại diện theo ủy quyền nguyên đơn cũng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn F không cung cấp tài liệu, chứng cứ mới và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đơn kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm buộc Công ty Mũ bảo hiểm I có nghĩa vụ trả cho bà Trương Thị B và ông Trần Văn F toàn bộ tiền gốc và lãi của 05 giấy vay nợ là 4.439.750.000 đồng. Vẫn giữ nguyên việc rút một phần yêu cầu khởi kiện mà cấp sơ thẩm đã đình chỉ.

Bị đơn Công ty Mũ bảo hiểm I có ông Bùi Quang P là đại diện theo ủy quyền không đồng ý yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, vì không có căn cứ pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện A.

Ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Thống nhất với phần trình bày của nguyên đơn và đơn kháng cáo. Có bổ sung thêm căn cứ kháng cáo: Theo các giấy vay tiền của Công ty Mũ bảo hiểm I với bà B đều không vượt 1.800.000.000 đồng (không quá 51% vốn điều lệ của Công ty), theo Luật Doanh nghiệp không cần phải có biên bản họp. Các hợp đồng vay đều sử dụng con dấu của Công ty, mục đích vay là để sử dụng cho Công ty. Biên bản bàn giao khi chuyển nhượng giữa các bên là gian dối, cố tình không đưa các khoản nợ này. Bà V góp vốn 49% nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Căn cứ khoản 1 Điều 139, khoản 1 Điều 146 Bộ luật dân sự 2005, khoản 2 Điều 36 Luật Doanh nghiệp đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm buộc Công ty Mũ bảo hiểm I có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Trương Thị B và ông Trần Văn F toàn bộ tiền gốc và lãi là 4.439.750.000 đồng.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thống nhất với quan điểm của Luật sư. Đại diện theo ủy quyền của bị đơn không đồng ý quan điểm và yêu cầu của bên nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm. Các ý kiến tranh luận cơ bản như tại phiên tòa sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm, ý kiến:

- *Về tố tụng*: Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

- *Về nội dung vụ án:* Từ các chứng cứ có trong hồ sơ và quá trình tranh tụng thể hiện các giấy vay tiền là cá nhân bà Nguyễn Thị T vay của bà Trương Thị B, vì không có ủy quyền của Công ty Mũ bảo hiểm I để bà T vay tiền. Việc sử dụng con dấu của Công ty là do bà T tự ý sử dụng để tạo sự tin tưởng cho bà B. Các Báo cáo tài chính không thể hiện Công ty Mũ bảo hiểm I có nợ bà B. Vì vậy Công ty Mũ bảo hiểm I hiện do bà Nguyễn Thị Mộng L (Giám đốc) đại diện theo pháp luật, không kế thừa quyền nghĩa vụ của bà Nguyễn Thị T. Căn khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện A, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Trương Thị B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thời hạn kháng cáo: Kháng cáo của nguyên đơn bà Trương Thị B là trong thời hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

- Về sự vắng mặt của bà Nguyễn Thị T; ông Nguyễn Minh Hiền U là những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án và liên quan đến việc kháng cáo. Bà T, ông U đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng vẫn vắng mặt không vì lý do bất khả kháng. Căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung kháng cáo:

[2.1] Đối với yêu cầu kháng cáo buộc Công ty Mũ bảo hiểm I (hiện do bà Nguyễn Thị Mộng L là người đại diện theo pháp luật), phải có trách nhiệm trả cho bà Trương Thị B số tiền gốc 3.795.000.000 đồng và 924.650.000 đồng tiền lãi tại 05 giấy mượn tiền ngày 20/01/2015; ngày 02/02/2015; ngày 03/02/2015; ngày 03/02/2016; ngày 10/02/2016 do bà Nguyễn Thị T trong thời gian làm Giám đốc Công ty đã ký mượn tiền của bà B, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy: Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu này của bên nguyên đơn, chỉ là 05 giấy mượn tiền kê trên do bà T tự viết ký tên và đóng dấu tên Công ty Mũ bảo hiểm I. Tuy nhiên, ngoài dấu Công ty thì trong các giấy mượn tiền đều thể hiện tên cá nhân người mượn là bà Nguyễn Thị T mà không phải là Công ty Mũ bảo hiểm I, ký tên người mượn cũng không thể hiện chức danh Giám đốc Công ty theo như quy định tại khoản 2 Điều 87 Bộ luật dân sự 2005. Hơn nữa, trong giấy mượn tiền ngày 03/02/2015 với số tiền 1.000.000.000 đồng, người mượn là bà Nguyễn Thị T và con trai Nguyễn Minh Hiền U cùng khẳng định việc vay mượn này là

quan hệ giữa cá nhân bà T và bà B như chính ý kiến thừa nhận của ông Trần Văn F (đại diện nguyên đơn) là giữa bà B và bà T có mối quan hệ vay tiền hơn 20 năm. Năm 2013 vợ chồng ông mới biết bà T thành lập Công ty Mũ bảo hiểm I nên tiếp tục cho mượn tiền. Hơn nữa, bà B cho mượn trực tiếp tại nhà mình mà không phải tại Công ty Mũ bảo hiểm I, không thông qua sổ sách kế toán là không đúng quy định tại Điều 19 Luật Kế toán 2003; Điều 16, 24 Luật kế toán 2015.

[2.2] Mặt khác, theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 0312562822 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu Tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26/11/2013, thì Công ty Mũ Bảo hiểm I là Công ty TNHH hai thành viên trở lên và bà Nguyễn Thị T (Giám đốc) là người đại diện theo pháp luật cho Công ty, thành viên thứ hai là bà Lê Thị Thúy V. Tại Điều 23 Điều lệ Công ty quy định *“Hội đồng thành viên thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty quy định”*. Tại Báo cáo tài chính trong các năm từ 2014 đến 2017; sổ sách chứng từ kế toán theo quy định tại Luật Kế toán năm 2003, 2015 không có các khoản nợ theo 05 giấy mượn nợ của Công ty Mũ bảo hiểm I với bà B; không có ủy quyền của Công ty cho bà T nhân danh Công ty thực hiện hợp đồng vay tiền với bà B để sản xuất kinh doanh. Căn cứ khoản 4 Điều 44, Điều 67 Luật Doanh nghiệp 2014 quy định về sử dụng con dấu Công ty; Hợp đồng, giao dịch phải được Hội đồng thành viên chấp thuận nên việc sử dụng con dấu và thực hiện giao dịch vay tiền của bà T với bà B không đúng quy định của Luật doanh nghiệp và các quy định tại khoản 3 Điều 86, khoản 2 Điều 87, khoản 2 Điều 93 Bộ luật dân sự 2005 mà Bản án sơ thẩm đã trích dẫn. Căn cứ Điều 47, 50 Luật Doanh nghiệp năm 2014, quy định về Công ty TNHH hai thành viên trở lên và quyền của thành viên thì thành viên phải chịu trách nhiệm về những khoản nợ và tài sản khác của doanh nghiệp, nhưng theo các chứng cứ đã phân tích thì việc bà T có ghi trong các giấy mượn nợ bà B với mục đích trả lương, mua keo sản xuất tuy nhiên việc mượn này không nhân danh Công ty Mũ bảo hiểm I. Vì vậy, ngày 04/01/2018 bà Nguyễn Thị Mộng L qua kiểm tra hồ sơ, sổ sách chứng từ kế toán; Biên bản bàn giao tài sản của Công ty Mũ bảo hiểm I; Cam kết của bà T, bà V không có khoản nợ mà Công ty Mũ bảo hiểm I mượn bà B nên đã nhận chuyển nhượng vốn góp từ bà Nguyễn Thị T, Lê Thị Thúy V là hoàn toàn đúng quy định tại Luật Doanh nghiệp năm 2014. Do đó, các thành viên của Công ty Mũ bảo hiểm I hiện nay là bà Nguyễn Thị Mộng L, ông Bùi Thanh W, không có trách nhiệm trả các khoản nợ tự ý vay mượn bà Trương Thị B của cá nhân bà Nguyễn Thị T.

[2.3] Đối với yêu cầu kháng cáo không đưa bà Lê Thị Thúy V tham gia tố tụng: Nghĩa vụ chứng minh bà V có đồng ý việc vay mượn của bà T là do nguyên đơn chứng minh, đề yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định tại khoản 1 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại các giấy vay tiền và ông F cũng thừa nhận, việc vay mượn của bà T với bà B có tính lãi, có cơ sở khẳng định đây là các khoản vay liên quan trực tiếp đến quyền lợi, nghĩa vụ của cá nhân bà T và các thành viên trong gia đình bà T như ông U theo giấy mượn nên nguyên đơn cần phải khởi kiện bà T mới đúng quy định pháp luật. Vì vậy, việc không đưa bà V vào tham gia tố tụng của Tòa án cấp sơ thẩm là không vi phạm tố tụng và Bản án sơ thẩm cũng đã dành quyền khởi kiện cho bà B đối với các khoản vay mượn của bà T là vẫn bảo đảm quyền lợi của bà B theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.4] Từ những phân tích, nhận định căn cứ pháp luật kể trên cho thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử, viện dẫn các quy định pháp luật và không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị B là hoàn toàn có cơ sở. Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và người đại diện, cũng như quan điểm của Luật sư nguyên đơn. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 326/DS-ST ngày 29/5/2019 của Tòa án huyện A.

[3] Về án phí:

Do nguyên đơn thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án nên được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 57.291.341 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0030365 ngày 19/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A. Nguyên đơn được miễn tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 3 Điều 86, khoản 2 Điều 87, khoản 2 Điều 93, khoản 3 Điều 139 Bộ luật dân sự 2005;

Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Trương Thị B, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 326/2019/DS-ST ngày 29/5/2019 của Toà án nhân dân huyện A.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị B về việc buộc bị đơn Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Mũ bảo hiểm I trả số tiền vốn gốc và lãi tổng cộng là 4.439.750.000 (*Bốn tỷ bốn trăm ba mươi chín triệu bảy trăm năm mươi nghìn*) đồng, theo 05 giấy vay tiền ngày 20/01/2015; ngày 02/02/2015; ngày 03/02/2015; ngày 03/02/2016 và ngày 10/02/2016 do bà Nguyễn Thị T đứng tên vay mượn.

2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Mũ bảo hiểm I phải trả số tiền vốn gốc và lãi theo các giấy vay nợ ngày 27/8/2013; ngày 14/3/2014 và ngày 30/10/2014.

3. Về án phí:

- *Án phí dân sự sơ thẩm*: Nguyên đơn bà Trương Thị B được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho bà Trương Thị B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 57.291.341 (*Năm mươi bảy triệu hai trăm chín mươi một nghìn ba trăm bốn mươi một*) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0030365 ngày 19/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A.

- *Án phí dân sự phúc thẩm*: Nguyên đơn thuộc trường hợp được miễn án phí nên không phải nộp tạm ứng án phí phúc thẩm và không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND TP.HCM;
- TAND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Hòa

